

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 11 - 2023

“V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Dương
- Ông Kim Na Rinh

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/10/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Thạch Thị Cô La P**, sinh năm 1986. Địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh** (có mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Thạch Ú**, sinh năm 1979. Địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh** (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2023, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn **Thạch Thị C** La Phiếp trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2004 chị **P** và anh **Ú** tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh**. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã những việc trong gia đình, nhiều lần chị **P** tìm cách hàn gắn lại nhưng hai bên hoà thuận không bao lâu thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên chị về nhà cha mẹ ruột sống từ khoảng năm 2019 đến nay. Từ lúc sống riêng chị **P** không còn tin tưởng nên không tạo điều

kiện hàn gắn, nay chị **P** xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh **Thạch Ú**.

- Về nuôi con tên **Thạch Ngọc M**, sinh ngày 12/8/2005 và **Thạch Thị Ngọc L**, sinh ngày 17/7/2007. Hiện nay **Ngọc M** đã thành niên nên chị **P** không yêu cầu giải quyết, đối với **Thạch Thị Ngọc L**, chị **P** yêu cầu được nuôi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **P** không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Chị **P** không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị **P** không có yêu cầu nào khác.

*Bị đơn Thạch Ú vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình giải quyết anh **Ú** có lời khai như sau:*

- Về hôn nhân giữa anh và chị **P** chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định, trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa thuận được, đã ly thân nhưng anh xác định còn thương chị **P** nên yêu cầu được hàn gắn, không đồng ý ly hôn.

- Về con chung tên **Thạch Ngọc M**, sinh ngày 12/8/2005 và **Thạch Thị Ngọc L**, sinh ngày 17/7/2007, hiện nay **Thạch Ngọc M** đã thành niên nên anh **Ú** không yêu cầu giải quyết, đối với **Thạch Thị Ngọc L**, anh **Ú** đồng ý để chị **P** được nuôi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Ú** không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả anh không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Anh **Ú** không còn tranh chấp khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự và xét thấy bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị **Thạch Thị C** La Phiếp được ly hôn với anh **Thạch Ú**. Về con chung tên **Thạch Ngọc M**, sinh ngày 12/8/2005 và **Thạch Thị Ngọc L**, sinh ngày 17/7/2007. Đối với **Thạch Ngọc M** đã thành niên chị **P** và anh **Ú** không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; đối với **Thạch Thị Ngọc L** có nguyện vọng sống chung với mẹ, do đó đề nghị giao cháu **Thạch Thị Ngọc L** cho chị **P** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung,

nợ chung các đương sự không tranh chấp nên không đề nghị xem xét. Về án phí hôn nhân sơ thẩm căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị buộc chị **P** phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh **Thạch Ú** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **Ú**.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị **Thạch Thị C** La Phiếp khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với anh **Thạch Ú**, địa chỉ **ấp T, xã T, huyện C**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy chị **Thạch Thị Cô La P** và anh **Thạch Ú** chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị **P** và anh **Ú** là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị **P** và anh **Ú** phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên anh chị không còn chung sống với nhau khoảng năm 2019 đến nay. Anh **Ú** thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau dẫn đến cãi vã và sống riêng nhưng anh còn thương chị **P** và hứa sửa đổi tính tình lo cho gia đình nên yêu cầu hàn gắn lại, không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết nhiều lần Tòa án mở phiên hòa giải tạo điều kiện hàn gắn hôn nhân giữa chị **P** và anh **Ú** nhưng chị **P** xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh **Ú**. Anh **Ú** yêu cầu hàn gắn nhưng không có biện pháp gì để tạo điều kiện hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị **P** và anh **Ú** ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Thạch Thị Cô La P**.

[4] Về con chung tên: **Thạch Ngọc M**, sinh ngày 12/8/2005 và **Thạch Thị Ngọc L**, sinh ngày 17/7/2007.

Đối với **Ngọc M** đã thành niên, chị **P** và anh **Ú** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với **Thạch Thị Ngọc L** có nguyện vọng sống chung với mẹ. Chị **P** và anh **Ú** thỏa thuận để chị **P** được nuôi **Thạch Thị Ngọc L**.

Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao các con tên **Thạch Thị Ngọc L** cho chị **P** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng các con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị **P** và anh **Ú** không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Trong quá trình giải quyết vụ án chị **P** và anh **Ú** không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị **Thạch Thị C** La Phiếp phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về trình tự, thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Thạch Thị Cô La P**.

- **Về hôn nhân:** Cho chị **Thạch Thị Cô La P** được ly hôn với anh **Thạch Ú**.

- **Về nuôi con chung:** Giao chị **Thạch Thị C** La Phiếp được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên **Thạch Thị Ngọc L**, sinh ngày 17/7/2007.

Anh **Thạch Ú** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị **P** và anh **Ú** không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả:** Trong quá trình giải quyết vụ án chị **P** và anh **Ú** không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị **Thạch Thị Cô La P** phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0017462 ngày 11/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị **P** đã nộp đủ.

- **Về quyền kháng cáo:** Chị **Thạch Thị Cô La P** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Thạch Ú** vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã Thuận Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa